

## ĐỌC SÁCH - TRAO ĐỔI Ý KIẾN

ĐẠM NHƯ THI THẢO TẬP THƠ ĐẶC SẮC  
CỦA THÁM HOA NGUYỄN VĂN GIAO

NGUYỄN THỊ HOA LÊ (\*)

**D**ạm Như thi thảo là tác phẩm của Thám hoa Nguyễn Văn Giao (1811 - 1864), hiện được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Tập thơ chữ Hán khá đặc sắc, nhưng chưa được nghiên cứu, giới thiệu. Bài viết này bước đầu giới thiệu văn bản và nội dung tác phẩm.

### 1. Khái quát về tác giả và tác phẩm Đạm Như thi thảo

Thám hoa Nguyễn Văn Giao (1811 - 1864), có tên tự là Đạm Như, hiệu là Quát Lâm, người xã Trung Càn, tổng Trung Càn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, nay là thôn Trung Càn, xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Ông thi đậu Cử nhân khoa Giáp Ngọ, Minh Mạng thứ 15 (1834), nhưng vì khoa thi đó quan chấm thi sửa điếm, bị lộ, nên bị đánh hỏng, còn bị ngờ oan cùng một số người phải và chịu án “Chung thân bất đắc ứng thí” (suốt đời không được đi). Ông về quê mở trường dạy học, học trò theo học rất đông. Đến năm Tự Đức thứ 5 (1852) có lệnh ân xá, ông mới được trở lại đi thi, đỗ Giải nguyên, năm 1853 thi Hội đỗ Hội nguyên, thi Đình đỗ Thám hoa.

Sau khi thi đỗ, ông được bổ chức Hàn lâm viện Trúch tác, sung Nội các Bí thư sở hành tẩu, rồi thăng Thừa chỉ. Sau đó, ông được thăng Thị giảng Học sĩ năm Tự Đức thứ 12 (1859) và Tham biện nội các sự vụ năm Tự Đức thứ 13 (1860). Ông mất ở nơi làm quan vào năm 1863, thọ 53 tuổi. Sau khi mất, ông được tặng hàm Quang lộc tự khanh. Theo sách *Các nhà khoa bảng Việt Nam*, ông là người nổi tiếng có tài văn học, được vua Tự Đức rất quý mến.

Tác phẩm hiện còn của Thám hoa Nguyễn Văn Giao hiện đang được lưu trữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội (Theo *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*):

1. *Bắc sử lịch đại văn sách* 北史歷代文策, 1 bản, kí hiệu (VHb.53)

2. *Phụng tương vũ lược ẩn dật thần tiên liệt nữ thưởng lãm các sách soạn thành thi tập* 奉將武略隱逸神仙列女賞覽各册撰成詩集, 1 bản, kí hiệu A.1093.

(\*) GV. Khoa Ngữ văn Trường Đại học Vinh, Nghệ An.

3. *Quất Lâm di thảo* 橘林遺草, 3 bản, các kí hiệu VHv.237, VHv.855, VHb.238/1-2.

4. *Sử lâm kỉ yếu* 史林紀要, 1 bản, kí hiệu A.2654

5. *Khâm Định vịnh sử phú* 欽定詠史賦, 11 bản, các kí hiệu: VHv.8-3/1-27, VHv.802/1-27, VHv.715, VHv.804/1-27, A.2725/1-13, VHv.715/1, VHv.805, A.1007/1-13, VHv.57/1-27, VHv.1799, VHv.801/1-27.

6. *Nguyễn Thám hoa Đạm Như phú sử luận* 阮探花淡如甫史論, 1 bản, kí hiệu VNv.1728.

Như vậy là tác phẩm của ông còn lại khá nhiều, song hầu như chưa được khai thác, giới thiệu, trong đó có tác phẩm *Đạm Như thi thảo*.

*Đạm Như thi thảo* 瘡如詩草 sách dày 78 trang, ký hiệu VHv.266 tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Chữ chép tay, nhiều chữ đá thảo, trang 8 dòng, mỗi dòng trung bình 27 đến 30 chữ. Sách được chia các phần như sau: từ trang đầu đến hết trang 42 là *Đạm Như thi thảo quyển chi nhất* (Quyển một của *Đạm Như thi thảo*), dưới dòng này có chú *Nghệ song nhân hứng* (Những cảm hứng thanh nhàn bên song cửa ở nơi đất Nghệ) bao gồm 119 bài thơ; từ trang 43 đến trang 78 (đến hết) là *Đạm Như thi thảo quyển chi nhị* (Quyển thứ hai của *Đạm Như thi thảo*), phần này còn được chú là *Tàng chuyết lục* (Ghi lại sự vụng về) phần này có 99 bài. Trang cuối, dưới dòng cuối cùng phần này chú *Quất Lâm thi tập chung* (Kết thúc tập thơ của Quất Lâm). Như vậy *Đạm Như thi thảo* nằm trong cuốn *Quất Lâm di thảo*.

Tập thơ này đều là thơ chữ Hán, được làm theo nhiều thể loại như thất ngôn, ngũ ngôn, ngũ ngôn cổ phong, thất ngôn cổ phong, có bài ngũ ngôn cổ phong dài đến trăm vắn là *Tặng Cổ Đan lão Tú tài nhất bách vắn* (Một trăm vắn thơ tặng lão Tú tài làng Cổ Đan).

## 2. Nội dung tác phẩm *Đạm Như thi thảo* 瘡如詩草

Cũng như tên đặt cho tập thơ *Đạm Như thi thảo* có thể tạm hiểu là “hoa cỏ mang sắc thơ của Đạm Như”, bao trùm lên hơn hai trăm bài thơ là cảm xúc của Thám hoa với thiên nhiên như với cỏ cây hoa lá, với mây trời trăng nước... Nhưng ẩn đằng sau những cảm xúc với thiên nhiên, với cỏ cây hoa lá, với mây trời trăng nước là tình yêu quê hương đất nước, là tình cảm với cha mẹ, anh em, tình vợ chồng, tình bè bạn sâu sắc và nồng đượm của cụ Thám.

1. Tình yêu thiên nhiên quê hương đất nước được cụ Thám thể hiện trên nhiều góc độ, đó là tình cảm với cỏ cây hoa lá.

Cụ dành rất nhiều cảm xúc cho hoa, những cảm xúc đó được thể hiện trong chùm thơ *Xuân hoa tạp vịnh*. Mười bốn loài hoa hiện ra đủ sắc màu, muôn dáng vẻ qua mười bốn bài thất ngôn tứ tuyệt. Từ những loài hoa vốn nằm trong tứ quý như tùng cúc trúc mai cho đến những loài hoa tầm thường mọc bên bờ dậu như dâm bụt hay hoa vô danh ẩn trong đám cỏ đều đi vào thơ Thám hoa. Dưới ngòi bút tài tình của Thám hoa, mỗi loài hoa đều có một phẩm chất, một tính cách cao sang. Đó là các bài: *Mai hoa*, *Đào hoa*, *Hải đường hoa*, *Mẫu đơn hoa*, *Tứ quý Quế hoa*, *Ngũ diệp lan hoa*, *Kê quan hoa* (Hoa mào gà), *Phượng vĩ hoa*,

*Văn cúc, Tảo Liên hoa, Phù hoa, Huệ hoa, Mộc cần hoa* (Hoa dâm bụt), *Vô danh hoa*. Loài hoa nào cũng được Thám hoa dành cho nhiều ưu ái, ngay cả loài hoa vô danh, là loài hoa không đáng cho người đặt tên nhưng đối với cụ Thám thì:

“Huệ bại, phù thôi, bích ngẫu tàn,  
Vô danh độc chiếm nhữ dư nhàn.  
Thùy năng câu dẫn phồn hoa tích,  
Tương dữ thê trì thúy thảo gian”.

*Tạm dịch:*

Hoa huệ, hoa phù dĩ, hoa sen đều đã tàn,  
Chỉ còn hoa vô danh độc chiếm chút  
thanh nhàn còn lại.

Ai đã để mất hết dấu tích của sự  
phồn hoa,

Hãy đến với hoa vô danh nằm ẩn  
trong đám cỏ xanh.

Ngoài chùm thơ này còn có nhiều  
bài khác vịnh về cỏ cây hoa lá như bài  
*Hè hoa hoàng* (Cây hè hoa vàng);  
*Phong diệp hồng* (Cây phong lá đỏ);  
*Ngô diệp lạc* (Lá ngô đồng rụng); *Quế  
chi sinh* (Quế nảy chồi); *Bi tàn liên* (Sen  
tàn); *Vịnh trúc*... Mặc dầu là vịnh hoa  
hè, vịnh lá phong, vịnh lá ngô đồng,  
vịnh trúc, vịnh sen tàn... nhưng mỗi bài  
đều được Thám hoa ký thác một nỗi  
niềm tâm sự, như bài *Bi tàn liên* toát lên  
một nghị lực phi thường:

*Phiên âm:*

Túc sát thiên thời chí,  
Điều linh bất cảm từ.  
Cuồng ba phiêu ngược ngẫu,  
Thanh lộ trọng hàn chi.  
Hữu diệp ngư tòng hí,

Vô hoa diệp tự phi,  
Sinh căn như vị dẫn,  
Tự hữu phát vinh kỳ.

*Dịch nghĩa:*

Tiết trời lạnh giá đã đến,  
Cảnh điều linh đâu giám chối từ.  
Sóng còn đầy trôi cái ngó sen yếu ớt,  
Sương giá nặng trĩu trên cành lạnh.  
Còn chiếc lá thì cá vẫn theo đùa giỡn,  
Không còn hoa nên bướm bay đi.  
Còn tí rễ vẫn chưa bị chết,  
Thì có lúc nảy mầm xanh tươi.

Tình yêu quê hương đất nước còn  
được Thám hoa thể hiện trong khá nhiều  
thơ tức cảnh, hoặc về danh lam thắng  
cảnh, hoặc về phong cảnh non sông làng  
mạc. Như các bài *Đăng Thiên Tượng tự*  
(Lên chùa Thiên Tượng), *Quá Phù  
Thạch độ* (Qua bến đò Phù Thạch), *Quá  
Hoành Sơn* (Qua núi Hoành Sơn), *Quá  
Lý Hòa* (Quan Lý Hòa, hai bài), *Thu dạ  
thừa nguyệt chu hành quá Lộc Châu*  
(Đêm thu bơi thuyền trăng đi qua Lộc  
Châu), *Lý Hòa quan hải* (Ngắm biển Lý  
Hòa), *Phiếm chu Lam Giang* (Bơi  
thuyền trên sông Lam), *Du Tháp Sơn tự*  
(Đi chơi chùa Tháp Sơn)... Mỗi địa  
danh, mỗi thắng cảnh đều hiện lên sinh  
động, mỹ lệ dưới ngòi bút của ông, như ở  
bài *Đăng Thiên Tượng tự* (Lên chùa  
Thiên Tượng - ngôi chùa ở Hồng Lĩnh,  
tỉnh Hà Tĩnh), hoặc chùm thơ *Tạp vịnh  
cửu thủ* (Chín bài tạp vịnh). Trong tạp  
vịnh này, Thám hoa vịnh nước, vịnh  
mây núi vào buổi sáng, vịnh ngựa non  
tập phi bị vấp đá ngã, vịnh cây ven  
đường, vịnh cây to mọc trong rừng  
rậm, vịnh trí khôn của lũ chim đi tìm

chốn ngủ, vịnh hoa xuân và lũ chim, vịnh ánh mặt trời vào mùa hạ, vịnh một loài cây lạ... Mỗi bài, mỗi thứ, mỗi loài được vịnh đều chứa một ẩn ý sâu xa. Ví như bài mở đầu chùm thơ, Thám hoa vịnh rằng:

*Bạch thạch sinh thủy giản/* Đá trắng sinh ra nước suối,

*Thủy giản thanh u thiên/* Nước suối trong dù sâu hay cạn.

*Thác căn đắc kì sở/* Rễ cây sống nhờ vào nơi đó,

*Giới khiết thùy bất tiển/* Sạch trong ai chẳng thích.

*Sậu vũ hỗn trọc chi/* Mưa lũ làm nước đục,

*Nê trùng kỉ bất biện/* Bùn đất lộn mảy tàng.

*Quân năng trừng kỳ ba/* Anh làm sao sống lặng,

*Thủy thanh thạch tự hiện/* Nước trong, đá hiện hình.

Thám hoa rất yêu mùa xuân - mùa cỏ cây đâm chồi nảy lộc, và như lời của cụ Thám, đó là mùa khởi đầu của phú quý vinh hoa. Bởi thế, mỗi độ xuân về Cụ đều có thơ và có thơ cho xuân. Mở đầu tập thơ là bài *Canh Dân tuế hứng* (Cảm hứng đầu xuân Canh Dân), *rời Tân Mão xuân đán* (Đầu xuân Tân Mão), *Nhâm Thìn xuân tiễn đồng áp Cử nhân phó Hội thí* (Xuân Nhâm Thìn tiễn các Cử nhân cùng áp đi thi Hội), *Quý Tị xuân đán cung hạ gia nghiêm lục thập nhất thọ đán* (Đầu xuân Quý Tị mừng phụ thân thọ 61 tuổi), *Mao ốc xuân thoại* (Nói chuyện với xuân trong ngôi nhà tranh), *Xuân nhật đấu kỳ* (Đánh cờ vào đầu xuân); *Xuân nhật ngẫu ngâm* (Ngâm

vịnh ngẫu nhiên vào ngày xuân); *Xuân mộ tức cảnh* (Tức cảnh vào cuối xuân); *Lãm xuân thoại tập khẩu hiệu di xuân* (Xem *Tập xuân thoại* làm thơ tặng mùa xuân); *Xuân nhật ngẫu thư* (Ngẫu nhiên viết vào ngày xuân); *Xuân đán thí bút* (Khai bút vào ngày đầu xuân)... Trong đó, đặc biệt nhất là *Mao ốc xuân thoại* (Cuộc đối thoại với xuân trong ngôi nhà tranh), cuộc đối thoại với xuân này là một chùm thơ có đến 20 bài. Trong số 20 bài này có 19 bài làm theo thể thất ngôn bát cú và cùng vần, riêng bài 20 làm theo thể cổ phong dài 58 câu, trước mỗi bài đều có thi tự.

*Thi tự* là bài tiểu văn hoặc đoạn văn ngắn đặt trước một bài thơ. Những bài thơ có thêm phần thi tự thường gây được hứng thú cho người đọc nhiều hơn, đồng thời giúp người đọc cảm thụ được bài thơ một cách sâu sắc hơn. Ví như thi tự ở đầu chùm thơ *Mao ốc xuân thoại* cụ Thám viết:

“Trừ tịch chi tịch, dư độc tọa bất mị, ủng khâm vi lô, nhiên đặng phanh trà, tương hiếu đạt dĩ đãi xuân chi lai dã, kí nãi mệnh đồng chấp bút, thi dĩ thỉnh chi, Phù xuân khả thỉnh hồ? Đại hàn chi hậu, tất hữu dương xuân, xuân bất tất thỉnh hĩ. Khả dĩ vô thỉnh nhi thỉnh. Dư sở dĩ tiểu dư chi đa tình dã. Tuy nhiên thiên hạ chi hoạn, mạc bất thiện ư đa tình, nhi vuu mạc bất thiện ư vô tình, vô tình giả thị xuân du du hốt hốt, thị tòng bất tốc chi khách, khởi phục tri thỉnh chi da, bì kì bất tri xuân dã, thiên hữu tứ thời, nhi phú quý phồn hoa duy xuân quản lĩnh. Thị dĩ, cổ nhân thường lãm đa tại xuân quang, kì ngôn viết ‘Tích xuân liên nhật

túy hôn hôn' hựu viết 'Tạm thời tương thường mạc tương vi'. Tích xuân lưu xuân, tác giả bất nhất. Thất xuân hà tích hà lưu, độc bất hà thịnh hồ. Dương xuân chủ nhân, cố đa tình dã, ung bất dĩ đa tình tiểu dư dã. Độc tiểu độc ngữ, ti thượng vị thành, dẫn kiến húc nhật sơ thăng, hòa khí từ nghênh, xuân tự đồng phương lai, nhược dĩ dư tương vi xướng họa giả" / nghĩa là: Đêm cuối năm, không ngủ được, ôm chăn đến ngồi bên lò sưởi, thấp đèn pha trà ngồi đợi xuân sang. Rồi bảo tiểu đồng lấy bút, làm thơ mời xuân tới. Xuân có thể mời được chăng? Sau tiết đại hàn ất xuân sẽ tới, chẳng cần phải mời. Không cần phải mời nhưng vẫn mời, vì thế ta cười ta là kẻ đa tình. Tuy nhiên, cái khổ của thiên hạ là không mấy ai tránh khỏi đa tình. Nhưng mà cũng không ai không tránh được vô tình. Kẻ vô tình thấy xuân nhàn nhã, lè mề, coi xuân như ông khách theo đến chậm, đâu có biết mời xuân sang. Chỉ có những kẻ bị lậu mới không biết mùa xuân vậy. Trời có bốn mùa nhưng phú quý phồn hoa chỉ có xuân quản lĩnh. Bởi thế, cổ nhân thường lăm đa phần đều vào mùa xuân. Có người nói rằng: 'Tiết xuân nên ngày qua ngày cứ say lơ mơ', lại có câu: 'Hãy tận hưởng đi chớ có chân chừ'. Tiết xuân và nín giữ xuân, tác giả thật là bất nhất, xuân đi rồi còn tiếc gì, còn nín gì cũng không sao mời được. Dương Xuân chủ nhân vốn rất đa tình, nên không vì chuyện đa tình mà cười ta. Một mình nói nói, cười cười, thơ làm vẫn chưa xong, bỗng mặt trời hiện lên, hơi ấm từ từ lan

tỏa, Xuân từ phương đông lại cùng ta xướng họa.

Qua đoạn thi tự này ta thấy Thám hoa đã tự nhận mình là khách đa tình, và quả thực Thám hoa cũng rất đa tình với xuân. Vì đa tình với xuân, nên viết thơ cho xuân, rồi lại thay xuân viết thơ cho mình.

Trò chuyện với xuân, nhưng thực ra cụ Thám trò chuyện với mình, nhắc nhở mình, quý xuân tức là quý thời gian, để không phụ lòng xuân, tức phải sống có ích không để canh tàn trong chén rượu suông. Cụ coi xuân là người bạn tri kỷ, đoạn thi tự đầu bài 13 của chùm thơ cụ nói rằng:

"Xuân ngã tri kỷ dã, nhất đoạn tình hoài, bất đắc bất vi xuân tận thổ, dương xuân chủ nhân, kì đại nhân lực, đương dĩ vi hà như" (Ta và xuân là đôi tri kỷ, một khối tình chung, không thổ lộ hết với xuân không thể được, nên nay biết làm sao đây?).

Và không ngại ngần, Thám hoa đã thổ lộ hết, đã mở lòng ra hết với xuân, có lúc còn cười kha kha rất đắc ý với xuân trong bài thứ hai mươi của chùm thơ, cũng là bài cổ phong trường thiên 58 câu:

"Sở quý phủ ngưỡng ngô vô tầm/  
Thử thân hoành mục lập thiên địa/  
An năng miễn phủ dĩ thời cam/  
Duy hữu đông quân tri ngã ý/  
Ngôn ngôn giai khả khai hung khâm/  
Huống hữu tửu khả ẩm bất đa âm/  
Hữu thơ khả ngâm bất đa ngâm/  
Kha kha thượng xuân chủ nhân Đạm Như tử/  
Nguyện dĩ đông quân kết nhất cá tri âm"  
(Cái quý nhất là ta không thẹn/ Ngửa mặt lên không thẹn với trời/

Cúi nhìn không thẹn với người/ Thân này trai trẻ nhìn đời hiên ngang/ Ta chẳng cam cúi đầu thời thế/ Chỉ có xuân hiểu ý riêng ta/ Lờ lờ ngực áo phanh ra/ Nguyên cùng xuân kết giao hòa tri âm/ Rượu có uống chẳng ham uống lắm/ Thơ có làm nhưng chẳng sa đà/ Kha kha cất tiếng cười khà/ Chủ nhân chính ta tự là Đạm Như.)

Ngoài mùa xuân ra, các mùa khác, cụ đều có thơ với tâm trạng riêng. Cụ là người ham đọc sách, vậy nên đêm đông dài đã trở thành món quà quý giá đối với cụ. Trong bài *Đông dạ họa môn nhân trình chính nguyên vận* (Đêm đông họa theo vần bài thơ của học trò đưa xin chỉ giáo) cụ đã thốt lên rằng: “Tôi ái tiêu trường kham tá độc/ Tam đông văn sử tức tương như” (Thích nhất có đêm dài tha hồ đọc sách/ Ba tháng mùa đông cũng là ba tháng cùng văn sử).

## 2. Tình cảm của cụ Thẩm đối với gia đình rất sâu nặng

Trước hết, đối với cha mẹ, cụ là người con rất mực hiếu thảo, dầu biết công danh như phù vân, nhưng cụ vẫn chăm chỉ học hành thi cử, cố gắng thành đạt để an ủi mẹ cha, bởi cụ biết người làm cha làm mẹ ai ai cũng mong con công thành danh toại. Điều này được cụ nói trong bài *Hương thí tiểu trúng thư trình hữu nhân* (Đậu thi Hương viết thư gửi bạn): “Thế sự an năng tận như ý/ Quân tử bất dục đa thượng nhân/ Tôi hạnh thử thân tài nhược quán/ Dĩ thao nhất đệ ủy ngô thân” (Sự đời đâu có thể hoàn toàn được như ý/ Người quân tử đâu có muốn trên nhiều người/ Chỉ vinh dự là tấm thân mới lớn này/ Đã giành

được một giải để an ủi bố mẹ). Mỗi khi xa gia đình, xa quê hương cụ lại khắc khoải nhớ mong, lo lắng cho cha mẹ ở nhà, như các bài *Dạ hoài* (Nỗi lòng trong đêm); *Tư thân* (Nhớ cha mẹ); *Bộ Tử Khai khách trung tư gia chi tác* (Xa quê nhớ nhà họa theo bài thơ của Tử Khai); *Đông áo* (Mùa đông áo nã); *Tiếp ninh tín lai* (Nhận được thư nhà); *Bắc vọng* (Trông ngóng về bắc)...

Nỗi nhớ quê hương, gia đình luôn cuộn cuộn trong dòng suy nghĩ của cụ. Có lần vào Kinh, đi tản bộ trên cầu Thanh Long, nhìn dòng Hương giang mãi miết chảy về đông, cụ đã liên tưởng đến nỗi nhớ nhà của mình, nên hai câu kết bài thơ *Thanh Long kiều tản bộ* (Tản bộ trên cầu Thanh Long) cụ nói rằng: “Nhất phiến hương tâm thùy đặc tự; Hương Giang giang thủy nhật đông lưu” (Một mảnh tình quê có ai giống được ta, Vẫn như dòng sông Hương ngày ngày mãi miết chảy về đông).

Những dòng thơ viết cho anh cả, anh hai, anh ba cũng trọn tình hiếu đễ, như các bài *Sơ thu trụ trình tam huynh* (Đầu thu làm thơ gửi anh ba – bốn bài); *Tam huynh lai tỉnh hạnh thuật* (Mừng khi anh ba lên tỉnh); *Tổng đường huynh bắc quy* (Tiễn anh cả về bắc); *Hạ gia huynh sinh thứ nam nhưng dụng thị tiên vận* (Mừng anh trai sinh thứ nam vẫn theo vần trước đây); Bài *Tổng đường huynh bắc quy* là tình cảm đầm ấm của cụ Thẩm với anh cả, đồng thời bài thơ còn cho thấy tình thương, lòng biết ơn của cụ Thẩm - lòng biết ơn của một người em trước sự lo toan gánh nặng gia đình của anh.

Anh cụ Thám vốn không hay làm thơ nhưng vẫn có thơ, Cụ cũng rất hay họa lại thơ anh hoặc cùng anh làm thơ. Những bài thơ họa lại thơ anh, hay viết gửi cho anh phần lớn đều thể hiện tình cảm, chí hướng, hoài bão hay nỗi niềm tâm sự của ông.

Về tình anh em Thám hoa đã khẳng định rằng: “Giao tận Cửu Châu tài tuần sĩ, Bất như cốt nhục hữu thâm ân” (Làm bạn với tất thấy những người tài ba lỗi lạc trong thiên hạ, Cũng không đâu bằng tình cốt nhục thâm ân)

3. Mặc dầu vậy Thám hoa cũng dành khá nhiều vần thơ cho bè bạn, có khi là những dòng thơ gửi tặng bạn, có khi là họa lại thơ bạn. Trong những dòng thơ viết cho bạn, đằm thắm nhất là tình bạn giữa Thám hoa với Nguyễn Tử Khải. Cụ đã dành rất nhiều dòng thơ, nỗi nhớ cho Tử Khải, như các bài: *Tặng Nguyễn Tử Khải*; *Thư thị Tử Khải thất thập vận* (Bảy mươi vần thơ viết gửi Tử Khải); *Tặng Nguyễn Tử Khải*; *Tái tặng Nguyễn Tử Khải y Vũ Ngự sử nguyên vận* (Theo vần của Vũ Ngự sử lại tặng Nguyễn Tử Khải); *Tái tặng* (Lại tặng); *Xuân nhật ức Tử Khải* (Ngày xuân nhớ Tử Khải); *Ức Tử Khải* (Nhớ Tử Khải)... Nguyễn Tử Khải còn có tên là Nguyễn Thái Để sinh (1803-?) người xã Văn Trường, nay là xã Yên Sơn huyện Đô Lương. Đậu Cử nhân năm 1834 cùng khóa thi với cụ Nguyễn Văn Giao, nhưng rồi cả hai cùng chịu án “chung thân bất đắc ứng thi”. Mãi đến năm 1848, được xóa án, thi lại, đậu Cử nhân, năm sau thi Đình, đậu Đệ tam giáp Tiến sĩ khoa Kỷ Dậu năm Tự Đức thứ 2. Làm quan tới các chức: Hàn lâm viện Biên tu; Tập hiền viện

Thị độc; Kinh diên khởi cư chú. Với Tử Khải, vừa là bạn tri âm, vừa là bạn có cùng cảnh ngộ, nên những dòng thơ viết cho Tử Khải thường nặng trĩu bầu tâm sự, có khi lại giải bày nỗi oan khiên.

Cụ Thám xếp mình và Tử Khải là những người quân tử “kiền dịch” (có khi đọc là càn thích). Hào cử tam trong quẻ *Bát thuần càn* của *Kinh Dịch* ghi rằng: “Quân tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch, nhược, lệ, vô cử”; tức người quân tử ở vào vị thế này, suốt ngày phải kiền kiền rần rỏi, lại phải lo xa, cảnh giác thì mới không bị tội lỗi.

4. Về tình cảm vợ chồng, ở tập thơ này chỉ thấy Thám hoa nói đến trong một bài ngũ ngôn cổ phong rất dài, đó là bài *Hoành Sơn đạo trung ngẫu đắc* (Ngẫu tác trên đường Hoành Sơn). Bài thơ kể lại chặng đường vất vả mà hai vợ chồng ông phải vượt qua. Phần đầu bài thơ Thám hoa phác họa thân phận, tuổi tác, và dáng dấp người vợ rất đầy đủ: *Quan nhân hữu nhất thê/ Niên khả tứ thập hứ/ Xuất thân bất thậm tiện/ Mãi ngư Đông Gia tú/ Quan nhân tân dĩ hôn/ Trân ái như tiên tử/ Tọa ngọa tất dĩ giai/... Phu nhân thân thậm phì* (Quan ta có một vợ/ Tuổi đã hơn bốn mươi/ Xuất thân chẳng nghèo lắm/ Bán cá chợ Đông Gia/ Quan ta vừa mới cưới/ Yêu mến nàng như tiên/ Nằm ngồi đều bên nhau ...Phu nhân thân rất béo). Phần còn lại thể hiện sự quan tâm lo lắng của Thám hoa đối với vợ trên đường đi xa. Phần kết, Thám hoa đã chêm kể trong một bản *Nhạc phủ tạp khúc* là ngư si vì đã đem vợ yêu đôi lấy ngựa: *Tích nhân hà thái si/ Ái thiếp hoán lương mã<sup>(1)</sup>* (Người xưa thật là ngu/ Vợ yêu đôi lấy ngựa).

5. Người xưa đã tổng kết “thi dĩ ngôn chí”, qua tập thơ thể hiện rõ Thám hoa làm thơ là để nói lên chí hướng, ký thác tâm tình. Chí hướng khi được thể hiện gián tiếp qua những bài viết về thiên nhiên cỏ cây hoa lá, chim muông, trăng gió, mây mưa, bốn mùa, có khi ở trong những dòng viết cho cha mẹ, các anh, viết tặng, gửi bạn bè... Như trong bài *Bảy mươi vắn thơ gửi Tử Khải* ông nói rằng: *Sinh phi ôn bảo chí/ Công vi bộc hàn di/ Vãn hạnh phi gia tiến/ Thanh danh dĩ lãg trì* (Chí không tìm com áo/ Công danh chẳng thiết gì/ Vãn đức không cầu tiến/ Thanh danh cũng sống xô). Có khi lại thể hiện trực tiếp, như ở chùm thơ 12 bài ngũ ngôn bát cú *Ngẫu đọc Luận ngữ tập cú thành thi* (Đọc sách *Luận ngữ* nhặt câu ghép thành thơ). Đầu chùm thơ có dòng thi tự, ông khẳng định rằng: “Ngũ tuy khiên cưỡng nhi diện túc hiện kỳ chí nhi sở tồn, nhân lục chi dĩ thị nhất nhị đồng chí chí giả” (Lời tuy khiên cưỡng nhưng cũng đủ để thể hiện chí hướng của mình, nhân đó ghi lại để cho bạn cùng chí hướng được biết). Ở bài thứ hai trong chùm thơ, chí hướng hướng của ông cũng được thể hiện ra rằng:

*Ngũ thập chí vu học/ Mười lăm tuổi ta để chí vào việc học,*

*Nhật tam tỉnh ngô thân/ Ngày ngày tự xét mình ba điều.*

*Khanh khanh khả vi thứ/ Lao xao vào loại thứ,*

*Đường đường nan dĩ nhân/ Đĩnh đạc nhưng vẫn khó đạt tới lòng nhân.*

*Hiếu đức như hiếu sắc/ Hiếu đức như háo sắc,*

*Ưu đạo bất ưu bản/ Lo đạo chẳng lo nghèo.*

*Phú quý nhân sở dục/ Giàu sang ai chẳng muốn,*

*Ưngã như phù vân/ Với ta như mây trôi.*

Chí lớn của Thám hoa trước tiên là để chí vào việc học, mặc dầu ông đã nhận định việc học có đôi khi như việc học “mồ rỗng” như đã nói ở trên, nhưng ông vẫn khẳng định về sự học rằng “Tuy nhiên học vô tha” (“học vô tha” vốn là lời Mạnh Tử nói trong câu ‘Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ’ nghĩa là ‘Con đường học vấn chẳng phải là cái gì khác, chỉ là con đường dẫn dắt chúng ta đi tìm cái bản tâm vốn thiện đã bị đánh mất mà thôi’). Và việc học đối với Thám hoa cũng như những người quân tử là phải: “Miễn chi tai! Quân tử chi học đốc thực nhi quang hoa” (Phải gắng lên! Sự học của người quân tử là phải thực chất thì mới chói sáng). Tráng chí còn thể hiện ở việc “ngày ngày tự xét mình ba điều” đó là: Làm việc gì cho ai đã hết lòng hay chưa? Kết giao với bạn bè có giữ chữ tín hay không? Đạo lý thầy dạy cho mình có thực hành hay không? Và háo đức như háo sắc, lo đạo chẳng lo nghèo. Bởi có tráng chí như thế nên mặc dầu đã bị khép án ‘chung thân bất đắc ứng thí’ nhưng Thám hoa vẫn không bi quan, không nhụt chí. Cũng bởi thế nên mười tám năm sau cái án đó ông đã được giải oan, được đi thi trở lại, và bước lên đỉnh vinh quang.

Qua nhiều bài thơ còn thấy Thám hoa là người có tâm hồn yêu cuộc sống chân chất, êm đềm, đơn sơ thanh bạch nơi thôn dã: *Kim niên phản cố lí/ Tương quy vu khâu viên/ Nhất vi tứ diên kỷ/*

*Nhất vi thí lôi tôn/ Thử lạc bất giảm tích*  
(Năm nay được về quê/ Với vườn tược  
đồi núi/ Lại được ngồi chõng tre/ Lại  
uống rượu chén hoa/ Vui nay chẳng kém  
trước). Khi chưa được cuộc sống thanh  
bình, êm ả nơi làng quê thì Thám hoa lại  
mơ ước, điều này cụ nói trong hai câu  
cuối của bài *Tức cảnh*: *Vì tiền ngũ tam*  
*toa lập khách/ Tà dương thùy điệu vị tri*  
*hàn* (Cứ thềm được như mấy người mặc  
áo toai đội nón lá/ Buông câu dưới trời  
chiều chẳng biết đến rét mướt).

Trên đây là một số cảm nhận bước  
đầu về nội dung thơ của Thám hoa  
Nguyễn Văn Giao qua tập thơ *Đạm Như*  
*thi thảo*. Đọc thơ ông không chỉ biết  
nhiều về nội dung mà còn cảm thụ được  
chiều sâu của hình tượng và ngôn ngữ.  
Thơ ông có khá nhiều điển tích điển cố,  
ông sử dụng điển tích điển cố cũng rất  
đắc địa. Việc sử dụng khá nhiều điển tích  
điển cố vốn là xu hướng chung của thơ  
văn thời trung đại, nhưng đối với ông đã  
chứng tỏ một điều ông đã đọc rất nhiều

sách. Ngoài ra trong thơ ông đã sử dụng  
rất thành công các biện pháp so sánh,  
nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ.... Tác phẩm  
*Đạm Như thi thảo* rõ ràng là tác phẩm  
văn học có giá trị mà bài viết chỉ mới gọi  
ra đôi điều.

N.T.H.L

#### Chú thích:

(1) Ái thiếp hoán mã (Đem vợ yêu đôi  
lấy ngựa) vốn là tên một bài ca trong *Nhạc*  
*phủ tạp khúc* thuộc *Nhạc Phủ thi tập* tương  
truyền do Hoài Nam vương sáng tác.

#### Tài liệu tham khảo

1. *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục*  
*đề yếu*. Trần Nghĩa - François Gros đồng  
chủ biên, 3 tập, Nxb. KHXH, H. 1993.
2. Nguyễn Tô Lan: “Về một số tác gia  
tác phẩm Hán văn Việt Nam qua *Cổ học*  
*viện thư tịch thủ sách A.2601/1-11*”, *Tạp chí*  
*Hán Nôm*, số 2 (87) - 2008./.